

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CÁC BIỂU MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ, ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP VÀ BÁO CÁO NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 06/2016/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 01 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH. ♦

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép, Báo cáo nghiệp vụ và chế độ báo cáo nghiệp vụ đối với hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

Điều 2. Biểu mẫu sử dụng trong hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

1. Biểu mẫu áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, thu xem kênh chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam với ký hiệu như quy định tại danh Mục dưới đây:

| STT | Tên biểu mẫu | Ký hiệu |
|------------|--|------------------|
| 1 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 01/DVTHTT |
| 2 | Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 02/DVTHTT |
| 3 | Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 03/DVTHTT |
| 4 | Giấy Chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 04/DVTHTT |
| 5 | Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung danh Mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 05/DVTHTT |
| 6 | Giấy chứng nhận đăng ký danh Mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 06/DVTHTT |
| 7 | Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | Mẫu số 07/DVTHTT |
| 8 | Giấy Chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | Mẫu số 08/DVTHTT |
| 9 | Biểu mẫu báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 09/DVTHTT |
| 10 | Biểu mẫu báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 10/DVTHTT |
| 11 | Biểu mẫu báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát | Mẫu số 11/DVTHQB |

| | | |
|--|-----------------------------|--|
| | thanh, truyền hình quảng bá | |
|--|-----------------------------|--|

2. Biểu mẫu áp dụng cho các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình với ký hiệu như quy định tại danh Mục dưới đây:

| STT | Tên biểu mẫu | Ký hiệu |
|-----|---|----------------|
| 1 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước | Mẫu số 12/SXCT |
| 2 | Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước | Mẫu số 13/SXCT |
| 3 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 14/BTCT |
| 4 | Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 15/BTCT |
| 5 | Biểu mẫu báo cáo hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình | Mẫu số 16/SXCT |

Điều 3. Đăng tải, in biểu mẫu

1. Các biểu mẫu quy định tại Điều 2 của Thông tư này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại địa chỉ www.abei.gov.vn.
2. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, sản xuất kênh chương trình trong nước và thu xem kênh chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử tại địa chỉ www.abei.gov.vn để in và sử dụng các biểu mẫu quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

Điều 4. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương phù hợp phạm vi cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp theo mẫu số 09/DVTHTT và mẫu số 11/DVTHQB quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo trong mười lăm (15) ngày đầu tiên của tháng một (1) và tháng bảy (7) hàng năm.

2. Định kỳ hàng tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo nhanh số liệu thuê bao cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 10/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo trong mười (10) ngày đầu tiên hàng tháng.

3. Định kỳ 6 tháng, các cơ quan báo chí được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hoạt động liên kết sản xuất có trách nhiệm báo cáo về hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 16/SXCT quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

Thời hạn gửi báo cáo trong mười lăm (15) ngày đầu tiên của tháng một (1) và tháng bảy (7) hàng năm.

4. Ngoài báo cáo định kỳ, trong trường hợp đột xuất, các cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi cơ quan, doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc chi nhánh.

5. Báo cáo của các cơ quan, doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử kèm theo bản điện tử về địa chỉ hòm thư điện tử baocaoptth@mic.gov.vn

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.
2. Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các mẫu Tờ khai đăng ký, mẫu Đơn đề nghị cấp phép, mẫu Chứng nhận đăng ký và mẫu Giấy phép quy định tại Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;

Trương Minh Tuấn

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; ♦
 - Văn phòng Trung ương Đảng; ♦
 - Văn phòng Tổng bí thư; ♦
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Văn phòng Quốc hội; ♦
 - Tòa án Nhân dân tối cao; ♦
 - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; ♦
 - Kiểm toán Nhà nước; ♦
 - UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; ♦
 - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; ♦
 - Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ♦
 - Hiệp hội truyền hình trả tiền Việt Nam; ♦
 - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); ♦
 - Công thông tin điện tử Chính phủ; ♦
 - Công báo; ♦
 - Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; ♦
- Các cơ quan và đơn vị thuộc Bộ, Công thông tin điện tử; ♦
- Các cơ quan báo chí có GP hoạt động phát thanh, truyền hình; ♦
 - Các đơn vị cung cấp dịch vụ PTTH; ♦
 - Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT. ♦